TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện

2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2024; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-ST, ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; "có mặt"

- Bị đơn: Chị Bàn Thị H, sinh năm 1999; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2024 và tại phiên toà anh Đặng Văn T trình bầy: Anh và chị Bàn Thị H tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh

phúc với nhau được khoảng bốn năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2021 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H, huyện B sinh sống được một thời gian ngắn, sau đó xin đi làm công ty và vợ chồng đã sống ly thân với nhau kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy anh làm đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho anh được ly hôn chị Bàn Thị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đặng Đức D, sinh ngày 07/8/2016 và cháu Đặng Trường A, sinh ngày 10/10/2019, khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bàn Thị H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bà Trương Thị L là mẹ đẻ của chị Bàn Thị H, cùng trú tại thôn H, xã H bà L đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H được biết việc anh T yêu cầu ly hôn chị H. Tòa án triệu tập chị H đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng chị H đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị H nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 20/3/2025 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Bàn Văn L1 - Là Trưởng thôn Thượng Cầu, xã T, bà Mai Thị H1 - Là Chủ tịch Hội phụ xã T, ông Nguyễn Thanh T1 - Là Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi anh T và chị H sinh sống trong thời kỳ hôn nhân và bà Trương Thị L - Là mẹ đẻ của chị Bàn Thị H, cùng trú tại thôn H, xã H, huyện B phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Đặng Văn T và chị Bàn Thị H tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 09/5/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng bốn năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo,

hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2021 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang sinh sống và vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đặng Đức D, sinh ngày 07/8/2016 và cháu Đặng Trường A, sinh ngày 10/10/2019 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh T tại thôn T, xã T bên cạnh đó anh T cũng rất quan tâm đến việc học hành của các cháu và chăm sóc các cháu rất tốt hơn nữa cháu Đặng Đức D đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H thì quan điểm của chính quyền xã T là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ, do anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đặng Văn T, anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Bàn Thị H.

Về con chung: Giao hai cháu Đặng Đức D, sinh ngày 07/8/2016 và cháu Đặng Trường A, sinh ngày 10/10/2019 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Đặng Văn T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là

tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bàn Thị H có nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua gia đình bà Trương Thị L là mẹ đẻ của chị Bàn Thị H, chị Bàn Thị H nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị H vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh Đặng Văn T yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị H vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bàn Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Bàn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng bốn năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2021 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H, huyện B sinh sống được một thời gian ngắn, sau đó xin đi làm công ty và vợ chồng đã sống ly thân với nhau kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh T. Anh T xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh T kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không tạo điều kiện để chị H tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Văn T.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Đặng Đức D, sinh ngày 07/8/2016 và cháu Đặng Trường A, sinh ngày 10/10/2019. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh T đang nuôi hai cháu, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu D, cháu D có nguyện vọng được ở với anh T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho hai cháu và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của hai cháu, Hội đồng

xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao hai cháu cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bàn Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đặng Văn T. Anh Đặng Văn T được ly hôn chị Bàn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Anh Đặng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Đặng Đức D, sinh ngày 07/8/2016 và cháu Đặng Trường A, sinh ngày 10/10/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Bàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị H, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0002187, ngày 26/12/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tiên Kiều (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung